

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BẢO LỘC  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/2018/HNGĐ - ST  
Ngày: 22-01-2018  
Về việc: “Tranh chấp ly  
hôn”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẢO LỘC**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thanh Bông

***Các hội thẩm nhân dân:***

1. Ông Nguyễn Văn Mạnh

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Hoà

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Đình Duy Toàn - Thư ký tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc.

Ngày 22-01-2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 321/2017/TLST-HNGĐ ngày 02-10-2017 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2017/QĐXX – HNGĐ ngày 18-12-2017 giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Bà **Đặng Thị L**, sinh năm 1979

Địa chỉ: Số nhà 148 đường A C, xã L N, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

***2. Bị đơn:*** Ông **Nguyễn Th**, sinh năm 1978

Địa chỉ: Số nhà 148 đường A C, xã L N, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

(bà L có mặt, ông T vắng mặt không có lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

+ *Tại đơn khởi kiện đề ngày 12-9-2017, và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Đặng Thị L trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn T chung sống với nhau có kết hôn vào ngày 16-12-2005 và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Lộc Nga, tp. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung không có mâu thuẫn gì lớn vợ chồng cùng nhau lo chí thú làm ăn để duy trì cuộc sống hạnh phúc gia đình, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh gần 1 năm nay nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống tính tình không hợp nhau mấy tháng gần đây càng trầm trọng hơn vợ chồng hay xảy ra xung đột cãi chửi hành hung xúc phạm lẫn nhau, do cuộc sống chung không hạnh phúc bà L phải dọn ra thuê nhà để ở riêng nhưng hai bên vẫn xảy ra xung đột xúc phạm lẫn nhau nay tình trạng vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng cuộc sống chung không còn hạnh phúc hôn nhân không thể tồn tại vợ chồng không có cuộc sống chung tình cảm dành cho nhau không còn do đó bà cương quyết xin được ly hôn cùng ông Nguyễn T.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên **Nguyễn Hải P**, sinh ngày 18/07/2008 và **Nguyễn Hải Khánh B**, sinh ngày 27/5/2013 bà yêu cầu được nuôi hết hai con chung và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 3.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung: Gồm có diện tích đất 240m<sup>2</sup> tại thửa 882 tờ bản đồ số 12, diện tích đất nông nghiệp 134m<sup>2</sup> thửa 871 tờ bản đồ số 12 tất cả tại thôn Naosori, xã Lộc Nga, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.
  - Có 2,5ha đất Lâm Trường trồng cà phê tại thôn 4, xã Lộc Nam, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.
  - Về nợ chung: Quy tín dụng LS chưa đến hạn trả: 180.000.000đ (một trăm tám mươi triệu đồng).
  - Quỹ tín dụng xã L T chi nhánh Lộc Nga chưa đến hạn trả: 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).
  - Ông Võ Trung P, trú tại thôn 4, xã L N, huyện B L tỉnh Lâm Đồng 85.000.000đ (tám mươi lăm triệu đồng).
  - Ông Phạm Hoài N; trú tại thôn 4, xã L N, huyện B L, tỉnh Lâm Đồng 35.000.000đ (ba lăm triệu đồng). Riêng khoản nợ ông Phạm Hoài N; bà L không đồng ý và cho rằng không có khoản nợ này.
  - Bà Trần Thị G số tiền 42.000.000đ; bà Gái đã nhận thông báo nộp tạm ứng án phí ngày 27/11/2017.
  - + Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn T trình bày:
  - Về quan hệ hôn nhân: Mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm thời gian gần đây vợ chồng hay xảy ra xung đột cãi chửi nhau bất đồng quan điểm về lối sống bà L thường xuyên bỏ nhà đi không lý do chính đáng, hay tụ tập bạn bè ăn nhậu khi ông góp ý nói tới thì hỗn hào cãi lại không nghe, không tôn trọng nhau vợ chồng đã tự khắc phục tự hoà giải để tìm hướng giải quyết và khắc phục nhưng không có kết quả vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 9/2017 cho đến nay tình cảm không còn, nhưng ông không đồng ý ly hôn vì ông không muốn gia đình chia rẽ con cái thiếu cha vắng mẹ.
  - Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên **Nguyễn Hải P**, sinh ngày 18/07/2008 và **Nguyễn Hải Khánh B**, sinh ngày 27/5/2013, nếu Tòa án cho ly hôn ông yêu cầu nuôi hết hai con.
  - Về tài sản chung, ông T khai tài sản chung vợ chồng như bà L khai như trên là đúng nhưng ông không đồng ý ly hôn do đó ông không yêu cầu giải quyết.
  - Nợ chung; nợ riêng: Toàn bộ số nợ mà bà Linh thừa nhận là nợ chung vợ chồng.
- Tòa án đã tiến hành hòa giải vào các ngày 27-10-2017 và ngày 17-11-2017 nhưng bà L cương quyết xin được ly hôn và yêu cầu được nuôi con, về tài sản chung bà có đơn yêu cầu chia tài sản chung và định giá tài sản, nhưng vào ngày 04/12/2017 bà L có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản và rút yêu cầu định giá tài sản để hai bên tự thương lượng giải quyết. Ông T không đồng ý ly hôn và không đồng ý chia tài sản.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

*Tại phiên toà hôm nay ông Nguyễn T đã được triệu tập, niêm yết hợp lệ để xét xử nhưng ông T vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 điều 228 bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông T.*

[1] Về quan hệ tranh chấp bà Đặng Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án cho ly hôn với ông Nguyễn T hiện cư trú tại số nhà 148 đường A C, thôn Naosori, xã L N, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

[2] Áp dụng pháp luật: Xác định đây là tranh chấp ly hôn áp dụng khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố

Bảo Lộc, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị L và ông Nguyễn T chung sống với nhau có kết hôn vào ngày 16/02/2005 và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Lộc Nga, tp. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng hôn nhân tự nguyện tiến bộ, không ai bị ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng những tháng gần đây thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm về cách sống, cãi chửi xúc phạm thậm chí đánh đập nhau vì lý do vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng bà L không thể chung sống cùng ông T được nên bà thuê nhà ra sống riêng để ở, mục đích để giảm bớt căng thẳng vợ chồng và làm nghề tóc mục đích là ở gần con cái để tiện cho việc chăm sóc vì khi ra khỏi nhà bà L không được mang con theo. Tuy nhiên việc bà L dọn ra riêng ở không giảm đi mâu thuẫn mà còn mâu thuẫn nhiều hơn ông T đã gây áp lực cho việc làm ăn của bà và gây khó khăn cho việc thăm con mấy tháng nay mâu thuẫn trầm trọng không thể tiếp tục sống chung nhau nữa nên bà cương quyết ly hôn cùng ông T.

Bản thân ông T không muốn ly hôn nhưng không đưa ra một lý do chính đáng, lẽ ra vợ chồng mâu thuẫn vợ đã thuê nhà ra ở riêng ông phải tìm cách thuyết phục vợ con về đoàn tụ chứ không phải dùng áp lực gây sự để làm gia tăng thêm mâu thuẫn vợ chồng. Mấy tháng nay vợ chồng sống ly thân nhau cả hai không tìm được tiếng nói chung, Toà án đã tiến hành làm việc hoà giải nhiều lần nhưng cả hai vẫn giữ nguyên quan điểm.

Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông T đã trầm trọng không thể hoà giải khắc phục được mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai, đời sống chung không có, mục đích của hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên **Nguyễn Hải P**, sinh ngày 18/07/2008 và **Nguyễn Hải Khánh B**, sinh ngày 27/5/2013.

Theo nguyện vọng của cháu P yêu cầu được ở với bố, còn cháu B là con gái mới 4 tuổi lúc bà L dọn nhà ra ở trọ ông Thịnh không cho bà L mang con theo, bản thân ông T đi làm vườn vào mùa cà phê phải vào thu hái không có thời gian ở nhà để chăm sóc cháu B, hiện nay hai con chung đang ở nhà do bà nội là bà Trần Thị G chăm sóc bà Linh muốn đến thăm con phải có sự cho phép của ông T mới được thăm, con đau ốm bà không được quyền gần gũi con để chăm sóc ông T giành con để nuôi nhưng không cho bà L thăm nom, không cho cháu đi học đã được xác nhận của trường mầm non nơi cháu B học và chính quyền địa phương hội phụ nữ xã L N xác nhận.

Vì lý do đó căn cứ vào điều 58, 81, 82, 83, 84 luật hôn nhân gia đình năm 2014 giao con chung tên **Nguyễn Hải P**, sinh ngày 18/07/2008 ông Thịnh nuôi và giao cháu **Nguyễn Hải Khánh B**, sinh ngày 27/5/2013 cho bà L nuôi là có căn cứ và đúng pháp luật. Xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà L là có căn cứ vì hiện tại ông T đang quản lý toàn bộ tài sản chung gồm nhà ở và 2,5ha đất trồng cà phê đang thu hoạch do đó việc bà L yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên chấp nhận và buộc ông T cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đ/tháng là có căn cứ.

[5] Về tài sản chung: Bà L có đơn yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng nhưng bà đã rút đơn vào ngày 04/12/2017 do đó đình chỉ xét xử yêu cầu chia tài sản chung trong vụ án này. Nếu sau này có yêu cầu thì giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về nợ chung; nợ riêng: Toà án đã ra thông báo cho các đương sự người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn khởi kiện yêu cầu độc lập đối với phần nợ chung của ông T

bà L nhưng không ai có đơn. Riêng bà Trần Thị G có đơn khởi kiện yêu cầu độc lập ghi ngày 27/11/2017. Tòa án đã ra thông báo nộp tiền tạm ứng án phí ngày 27/11/2017 nhưng qua 15 ngày kể từ ngày thông báo bà G cũng không nộp dự phí do đó phần nợ chung cũng tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

[7] Về án phí: Bà L phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn ông T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con, hoàn lại án phí chia tài sản chung cho bà Linh theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

### QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 141; 144; khoản 1 Điều 228; 271 Bộ luật tố tụng dân sự;  
Áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;  
Áp dụng nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

**1/ Về hôn nhân:** Xử cho ly hôn giữa bà **Đặng Thị L** và ông **Nguyễn T**.

**2/ Về quan hệ con cái:** Giao con chung tên **Nguyễn Hải P**, sinh ngày 18/07/2008 cho ông T nuôi. Giao con chung **Nguyễn Hải Khánh B**, sinh ngày 27/5/2013 cho bà L nuôi. Ông T có trách nhiệm cấp dưỡng để bà L nuôi cháu B hàng tháng là 1.000.000đ/tháng (một triệu đồng) cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

*Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn và thay đổi nuôi con được thực hiện theo quy định của luật hôn nhân và gia đình.*

**3/ Về tài sản chung:** Đình chỉ xét xử chia tài sản chung vợ chồng giữa bà **Đặng Thị L** và ông **Nguyễn T**.

**4/ Về án phí:** Bà **Đặng Thị L** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn theo biên lai thu số AA/2016/0001929 ngày 02/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bảo Lộc. Hoàn trả cho bà L số tiền tạm ứng án phí chia tài sản là 10.000.000đ (mười triệu đồng) theo biên lai số AA/2016/0001978 ngày 12/10/2017 tại chi cục thi hành án thành phố Bảo Lộc. Ông T phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

**5/ Quyền kháng cáo:** Các đương sự có mặt kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay, đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo bản án là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhân:**

- TAND tỉnh Lâm Đồng.
- VKSND tỉnh Lâm Đồng.
- VKSND TP. Bảo Lộc.
- Đương sự.
- Lưu..

**Lê Thị Thanh Bông**

